

**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THẨM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THẨM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY TNHH XD TM & DV NGỌC THẨM

**2. Mã số doanh nghiệp:** 4101615159

**3. Ngày thành lập:** 11/05/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Ngã 3, xóm Mới, Thôn Thanh Lương, Xã Ân Tín, Huyện Hoài Ân, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Điện thoại: 0988670622

Fax:

Email: hongngoc.antin@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                         | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                             | 4322        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                    | 4329        |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                    | 4330        |
| 4.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                | 4530        |
| 5.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                                            | 4620        |
| 6.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                | 4632        |
| 7.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                              | 4641        |
| 8.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm                                                                                                                       | 4649        |
| 9.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                               | 4651        |
| 10. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                | 4652        |
| 11. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Mua bán camera, thiết bị chống trộm, báo cháy, chữa cháy | 4659        |
| 12. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Mua bán sắt, thép, tôn các loại; Mua bán kim loại khác                                                                                                           | 4662(Chính) |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 13. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Mua bán vật tư điện, nước trong xây dựng; Mua bán tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Mua bán xi măng; Mua bán gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Mua bán kính xây dựng; Mua bán sơn, vécni; Mua bán gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Mua bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng | 4663 |
| 14. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Mua bán phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại                                                                                                                                                                                                                                          | 4669 |
| 15. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 9511 |
| 16. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê                                                                                                                                                                                                                                                                     | 6810 |
| 17. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết : Tư vấn môi giới bất động sản                                                                                                                                                                                                                                              | 6820 |
| 18. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7310 |
| 19. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                      | 4711 |
| 20. | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1811 |
| 21. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 1812 |
| 22. | Sản xuất sắt, thép, gang                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 2410 |
| 23. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 2591 |
| 24. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2592 |
| 25. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 2599 |
| 26. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4933 |
| 27. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7730 |
| 28. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 8211 |
| 29. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8219 |
| 30. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất hộp đèn quảng cáo, bảng hiệu quảng cáo, panô, áp phích, đèn neosign, đèn led, backdrop                                                                                                                                                                                                         | 3290 |
| 31. | Sửa chữa máy móc, thiết bị<br>Chi tiết: Sửa chữa, lắp đặt, bảo hành máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng; camera, thiết bị báo trộm, báo cháy, chữa cháy.                                                                                                                                                                                          | 3312 |
| 32. | Xây dựng nhà để ở<br>Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4101 |
| 33. | Xây dựng nhà không để ở<br>Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4102 |
| 34. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4212 |

|     |                                                                                                                                                                         |                                                              |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 35. | Xây dựng công trình điện<br>Chi tiết: Xây dựng công trình điện dân dụng, điện công nghiệp, điện chiếu sáng công cộng; Xây dựng đường dây và trạm biến áp điện đến 35KV  | 4221                                                         |
| 36. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước<br>Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi, cấp, thoát nước                                                                          | 4222                                                         |
| 37. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                       | 4229                                                         |
| 38. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                | 4291                                                         |
| 39. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình kỹ thuật dân dụng khác                                       | 4299                                                         |
| 40. | Phá dỡ                                                                                                                                                                  | 4311                                                         |
| 41. | Chuẩn bị mặt bằng<br>Chi tiết: Đào đắp, san ủi mặt bằng                                                                                                                 | 4312                                                         |
| 42. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                   | 4321                                                         |
| 43. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                  | 4741                                                         |
| 44. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752                                                         |
| 45. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759                                                         |
| 46. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                        | 4771                                                         |
| 47. | (* Lưu ý: Doanh nghiệp phải đáp ứng đủ và duy trì điều kiện đầu tư kinh doanh trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện).    | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ liên lạc:

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHẠM HỒNG NGỌC

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/01/1976

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 052076019531

Ngày cấp: 03/07/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Thanh Lương, Xã Ân Tín, Huyện Hoài Ân, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Thanh Lương, Xã Ân Tín, Huyện Hoài Ân, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Định